

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2025/HS-PT

Ngày: 22-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long

Ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng

*- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:* Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân
tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến. Điểm cầu trung tâm
là Trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu
thành phần là Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với vụ án hình sự thụ
lý số 76/2025/TLPT-HS ngày 13/8/2025 đối với bị cáo Trần Ngọc Hạ Q về tội
“*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Do có kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối
với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30-6-2025 của Tòa án nhân
dân tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2025/QĐXXPT-
HS ngày 28/11/2025.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Ngọc Hạ Q (tên gọi khác: không), sinh ngày 28 tháng 4
năm 1987 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú
Yên (nay là phường S, tỉnh Đắk Lắk); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn
giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: không; con
ông Trần Nho Q1 và con bà Hồ Thị P; có chồng tên là Lưu Hoàng P1 và có 01
con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc Hạ Q: Luật sư Nguyễn Tâm H - V; địa chỉ: A T, phường T, tỉnh Đắk Lắk và Luật sư Ngô Minh T - V1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa (Luật sư Trần Danh T1 –V2; địa chỉ: G T, xã T, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

3.1. Bà Phan Việt H1, sinh năm 1992; địa chỉ: H H, phường T, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

3.2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; địa chỉ: 4 B, phường Q, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

3.3. Bà Trần Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố L, phường S, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2016, Trần Ngọc Hạ Q kinh doanh shop bán quần áo và cho thuê phòng trọ bị thua lỗ dẫn đến nợ tiền nhiều người. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, lợi dụng bản thân đang làm việc tại Văn phòng đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X ở tỉnh Bình Định, Q đưa ra thông tin gian dối là Q và một số người góp vốn mua lại các vé số trúng thưởng của các khách hàng trúng thưởng, đổi cho Công ty X hưởng tiền chênh lệch. Q rủ các anh Hoàng Bảo K, Trần Ngọc T2, Nguyễn Tri P2, các chị Trần Thị H2, Đinh Thị M, Trần Lệ K1, Lê Đoàn Thảo N1 và Lê Thị Thủy T3 cùng tham gia góp vốn. Để những người trên tin là thật, Q đưa ra mức hoa hồng cao và gửi hình ảnh các tờ vé số trúng giải phụ đặc biệt (giải phụ đặc biệt là giải trúng 05 số sau cùng liên tiếp theo hàng thứ tự của giải đặc biệt), giải đặc biệt của các đài xổ số cho các cá nhân trên xem, nhưng thực tế những tờ vé số này đã được người trúng lĩnh thưởng tại Công ty. Tin tưởng Q nói là thật nên từ tháng 8/2020 đến tháng 4/2023, 08 người trên đã nhiều lần chuyển tiền cho Q để đổi vé số trúng thưởng. Sau khi nhận tiền, Q không dùng vào việc đổi vé số trúng thưởng mà lấy tiền trả nợ cá nhân, trả tiền hoa hồng, tiền gốc cho những cá nhân chuyển tiền cho Q theo hình thức xoay vòng và tiêu xài cá nhân. Đến tháng 4/2023, Q đã chiếm đoạt tiền của 08 người trên với tổng số tiền là 62.917.349.900 đồng, cụ thể như sau:

- Từ ngày 20/8/2020 đến ngày 07/4/2023, Q đã chiếm đoạt của anh Hoàng Bảo K số tiền 9.719.850.000 đồng.

- Từ ngày 11/6/2021 đến ngày 30/3/2023, Q đã chiếm đoạt của anh Trần Ngọc T2 số tiền 16.624.099.900 đồng.

- Từ ngày 11/10/2022 đến ngày 07/4/2023, Q đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Tri P2 số tiền là 9.454.000.000 đồng.

- Từ ngày 07/12/2022 đến ngày 07/4/2023, Q đã chiếm đoạt của chị Lê Thị Thủy T3 số tiền 13.608.200.000 đồng.

- Từ ngày 15/02/2023 đến ngày 30/3/2023, Q đã chiếm đoạt của chị Trần Thị H2 số tiền là 490.000.000 đồng.

- Từ ngày 15/02/2023 đến ngày 10/4/2023, Q đã chiếm đoạt của chị Đinh Thị M số tiền là 9.898.200.000 đồng.

- Từ ngày 15/02/2023 đến ngày 07/4/2023, Q đã chiếm đoạt của chị Lê Đoàn Thảo N1 số tiền là 1.952.000.000 đồng.

- Từ ngày 28/02/2023 đến ngày 05/4/2023, Q đã chiếm đoạt của chị Trần Lệ K1 số tiền là 1.171.000.000 đồng.

Trần Ngọc Hạ Q tự nguyện trả lại cho những bị hại với tổng số tiền 54.084.061.000 đồng, trong đó trả cho anh K 10.098.611.000 đồng, anh T2 14.465.200.000 đồng, anh P2 8.421.100.000 đồng, chị T3 10.767.000.000 đồng, chị H2 335.500.000 đồng, chị M 8.205.150.000 đồng, chị N1 1.139.000.000 đồng, chị K1 652.500.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 30-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều 106; Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Hạ Q 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 08/11/2024.

2. Về dân sự:

- Buộc Lê Thị H3 trả cho Đinh Thị M 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), Võ Thị Thanh T4 trả cho Đinh Thị M 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Đinh Thị M 1.343.050.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Lê Thị H3 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), hoàn trả cho Võ Thị Thanh T4 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc Lê Thị H3 trả cho Trần Ngọc T2 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), Nguyễn Thị C trả cho Trần Ngọc T2 613.000.000đ (sáu trăm mười ba triệu đồng), Lương Văn B trả cho Trần Ngọc T2 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng); Phan Việt H1 trả cho Trần Ngọc T2 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Trần Ngọc T2 35.899.900đ (ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả Lê Thị H3 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), hoàn trả cho Nguyễn Thị C 613.000.000đ (sáu trăm mười ba triệu đồng), hoàn trả cho Lương Văn B 210.000.000 (hai trăm mười triệu đồng), hoàn trả cho Phan Việt H1 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

- Buộc Nguyễn Thị C trả cho Nguyễn Tri P2 342.000.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Nguyễn Tri P2 690.900.000đ (sáu trăm chín mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Nguyễn Thị C 342.000.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho Lê Thị Thủy T3 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Lê Thị Thủy T3 2.653.700.000đ (hai tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Lê Thị N2 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho T5 (bảy mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Trần Thị Hoài 84.500.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Trần Thị N 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho Lê Đoàn Thảo N1 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q còn phải tiếp tục bồi thường cho Lê Đoàn Thảo N1 417.000.000đ (bốn trăm mười bảy triệu đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Trần Thị N 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho Trần Lệ K1 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Trần Lệ K1 498.500.000 (bốn trăm chín mươi tám triệu năm trăm đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Trần Thị N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07/7/2025, bị cáo Trần Ngọc Hạ Q kháng cáo. Ngày 11 và 14/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị N, Phan Việt H1, Nguyễn Thị C kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Hạ Q và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trần Thị N, Phan Việt H1, Nguyễn Thị C là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Ngọc Hạ Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo Trần Ngọc H4 Quỳnh 16 (mười sáu) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư (H, T) bào chữa cho bị cáo trình bày tranh tụng: bị cáo có hành vi lừa bị hại, nhưng thực tế không giữ khoản tiền này. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo thống nhất lời trình bày của Luật sư.

Bà Trần Thị N, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết đúng pháp luật đảm bảo quyền lợi cho chúng tôi.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2025 bị cáo Trần Ngọc Hạ Q kháng cáo và ngày 11, 14/7/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm. Như vậy, kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Hạ Q:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Ngọc Hạ Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định và quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: từ tháng 8/2020 đến tháng 4/2023, Trần Ngọc Hạ Q đã đưa ra thông tin gian dối, tạo niềm tin để chiếm đoạt của nhiều người với tổng số tiền trên 62 tỷ đồng. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Trần Ngọc Hạ Q về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo bị xét xử theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra và khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 1 (mười sáu) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật và thoả đáng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Ngọc Hạ Q.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả đối chiếu dòng tiền và các giao dịch chuyển khoản giữa bị cáo Trần Ngọc Hạ Q với các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định rõ nguồn tiền mà bà Trần Thị N, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C nhận được là tiền do bị cáo Q chiếm đoạt của các bị hại, sau đó chuyển cho các cá nhân này để thanh toán, trả nợ hoặc xoay vòng dòng tiền. Như vậy, tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại được xác định là vật chứng của vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả số tiền đã nhận cho các bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đầy đủ quyền lợi của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi buộc bị cáo Trần Ngọc Hạ Q có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C và bà Trần Thị N số tiền mà các cá nhân này phải trả cho các bị hại, bảo đảm sự công bằng và đúng bản chất quan hệ pháp luật phát sinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C và bà Trần Thị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C và bà Trần Thị N.

[4] Với những nội dung đã được nhận định, phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Hạ Q và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị N, bà Phan Việt H1, bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều 106; Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Hạ Q 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 08/11/2024.

3. Về dân sự:

- Buộc Lê Thị H3 trả cho Đinh Thị M 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), Võ Thị Thanh T4 trả cho Đinh Thị M 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Đinh Thị M 1.343.050.000đ (một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Lê Thị H3 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), hoàn trả cho Võ Thị Thanh T4 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc Lê Thị H3 trả cho Trần Ngọc T2 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), Nguyễn Thị C trả cho Trần Ngọc T2 613.000.000đ (sáu trăm mười ba

triệu đồng), Lương Văn B trả cho Trần Ngọc T2 210.000.000đ (hai trăm mười triệu đồng); Phan Việt H1 trả cho Trần Ngọc T2 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Trần Ngọc T2 35.899.900đ (ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi chín nghìn chín trăm đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả Lê Thị H3 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), hoàn trả cho Nguyễn Thị C 613.000.000đ (sáu trăm mười ba triệu đồng), hoàn trả cho Lương Văn B 210.000.000 (hai trăm mười triệu đồng), hoàn trả cho Phan Việt H1 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

- Buộc Nguyễn Thị C trả cho Nguyễn Tri P2 342.000.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Nguyễn Tri P2 690.900.000đ (sáu trăm chín mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Nguyễn Thị C 342.000.000đ (ba trăm bốn mươi hai triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho Lê Thị Thủy T3 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Lê Thị Thủy T3 2.653.700.000đ (hai tỷ sáu trăm năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Lê Thị N2 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho T5 (bảy mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Trần Thị Hoài 84.500.000đ (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Trần Thị N 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho Lê Đoàn Thảo N1 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q còn phải tiếp tục bồi thường cho Lê Đoàn Thảo N1 417.000.000đ (bốn trăm mười bảy triệu đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Trần Thị N 396.000.000đ (ba trăm chín mươi sáu triệu đồng).

- Buộc Trần Thị N trả cho Trần Lệ K1 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng); bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải tiếp tục bồi thường cho Trần Lệ K1 498.500.000 (bốn trăm chín mươi tám triệu năm trăm đồng).

Bị cáo Q phải hoàn trả cho Trần Thị N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Ngọc Hạ Q phải chịu 200.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.
Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Tấn Long Trần Đức Kiên

Trần Quốc Cường